

TỜ TRÌNH
**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020
và năm 2019 chuyển sang năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản hướng dẫn liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ Bảy thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 và đã được điều chỉnh tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2019; Kế hoạch đầu tư công năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2019.

Trong quá trình triển khai thực hiện, một số dự án đã và đang hoàn thành đưa vào sử dụng không có nhu cầu giải ngân và một số dự án trong quá trình triển khai gặp khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, quá trình tổ chức đấu thầu có giảm giá so với giá gói thầu được duyệt nên không sử dụng hết kế hoạch vốn đã bố trí; từ đó, đề nghị điều chỉnh giảm một phần kế hoạch vốn đã bố trí để điều chỉnh bổ sung vốn cho những dự án có tiến độ thực hiện nhanh để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả sử dụng kế hoạch vốn.

Nhằm để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định và thực hiện tốt Công văn số 622/TTg-KTTH ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020 để làm căn cứ triển khai thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Tổ chức thực hiện và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020.

2. Quan điểm

Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật của cấp thẩm quyền về đầu tư công, làm cơ sở để điều hành, tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Thực hiện theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Chủ đầu tư rà soát, xây dựng dự thảo Nghị quyết, sau đó gửi lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan; kết quả có 21/28 đơn vị tham gia đóng góp ý kiến.

Về cơ bản các đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời, có một số ý kiến đóng góp liên quan đến bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở khả năng cân đối kế hoạch vốn đã bố trí và đã hoàn chỉnh dự thảo các văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, biểu quyết nội dung Tờ trình và Nghị quyết theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

1. Bố cục

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020 có 03 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020 thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên: bổ sung vốn thanh toán cho các dự án đã giải ngân hết kế hoạch vốn và có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Trên cơ sở nguyên tắc điều chỉnh kế hoạch vốn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang như sau:

1. Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2020 (684,597 tỷ đồng): điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 11,032 tỷ đồng của 06 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 05 dự án, như Phụ lục I kèm theo.

2. Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2020 (900,485 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 101,141 tỷ đồng của 30 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 18 dự án, như Phụ lục II kèm theo.

3. Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2019 chuyển sang (25,015 tỷ đồng): điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 1,929 tỷ đồng của 10 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 04 dự án, như Phụ lục III kèm theo.

4. Kế hoạch vốn xỏ số kiến thiết năm 2019 chuyển sang (51,206 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 12,457 tỷ đồng của 19 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 08 dự án, như Phụ lục IV kèm theo.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Các Sở: KH&ĐT, TC, Tư pháp (VIC);
- Phòng TH (Đa02);
- Lưu: VT. Tr 01/6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2020
 (Kèm theo Tờ trình số: 51 /TTr-UBND ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng

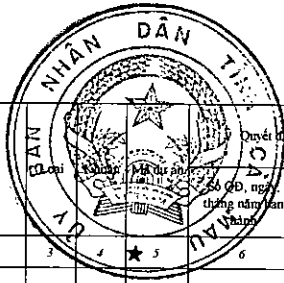
TT	Danh mục dự án	Quy định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư			
		Loại	Khoản	Mã dự án	QĐ ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)				Giảm (-)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
	TỔNG SỐ					4.270.179	2.047.817	300.814	29.891	1.835.231	1.231.172	1.347.709	870.174	800.345	684.597	684.597	11.032	11.032	684.597		
A	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN					290.844	97.804	70.877	-	105.047	65.047	65.618	28.044	22.000	22.000	22.000	-	-	22.000		
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					290.844	97.804	70.877	-	105.047	65.047	65.618	28.044	22.000	22.000	22.000	-	-	22.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau			7070714	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008, 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	70.877	-	38.580	38.580	18.418	15.844	10.600	10.600	10.600			10.600		Vườn Quốc gia U Minh hạ
2	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn (tỉnh Cà Mau)	280	283	7626031	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867			7.867	7.867	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2	280	281	7578614	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	63.060	7.000			22.000	7.000	20.000	5.000	2.000	2.000	2.000			2.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020			7599744	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.357	49.357			36.600	11.600	25.200	5.200	6.400	6.400	6.400			6.400		Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
B	GIAO THÔNG					2.307.803	826.495	192.564	16.664	618.177	267.081	836.849	433.753	311.500	239.500	239.500	0	0	239.500		
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					2.307.803	826.495	192.564	16.664	618.177	267.081	836.849	433.753	311.500	239.500	239.500	0	0	239.500		
1	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	16.664	16.664	73.317	73.317	45.753	45.753	15.000	15.000	15.000			15.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ràng - Sông Đốc).			7249003	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	1.521.792	593.000	100.000	-	481.096	160.000	764.096	371.000	283.000	211.000	211.000			211.000		Sở Giao thông Vận tải
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Đả Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vầu Đả Bạc)			7249001	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	113.550	75.900	-	13.800	3.800	13.800	3.800	1.500	1.500	1.500			1.500		Sở Giao thông vận tải

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)				
4	Tuyến đường vào Khu căn cứ Huyện ủy huyện Thời Bình	7633862	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000			35.000	15.000	10.000	10.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thời Bình	
5	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiểm Lâm, thị trấn Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7685902	382/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.964	14.964			14.964	14.964	3.200	3.200	9.000	9.000	9.000			9.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
C	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ			651.552	183.353	24.146	-	206.985	67.770	35.229	28.364	29.300	29.300	33.360	4.060	0	33.360			
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>642.400</i>	<i>174.201</i>	<i>24.146</i>	<i>-</i>	<i>198.833</i>	<i>59.618</i>	<i>34.877</i>	<i>28.012</i>	<i>25.300</i>	<i>25.300</i>	<i>25.560</i>	<i>260</i>	<i>0</i>	<i>25.560</i>			
1	Dự án đầu tư xây dựng đường nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	292	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862			14.862	14.862	2.839	2.839	5.300	5.300	5.300		5.300		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
2	Nâng cấp đường trung tâm hành chính huyện Cái Nước (đoạn từ cầu Tái chính đến cầu Đèn thờ Bắc Hồ)	292	7723869	383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	10.886	10.886			10.886	10.886	8.038	8.038	2.500	2.500	2.500		2.500		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
3	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Gốc (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Kênh Huế), huyện Ngọc Hiển	292	7725816	388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.310	8.310			8.310	8.310	4.000	4.000	3.500	3.500	3.760	260	3.760	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
4	Dự án đường đầu nối từ Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường văn hóa trung tâm (Khu C)	292	7565716	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	40.558	40.558			25.560	25.560	9.381	9.381	13.000	13.000	13.000		13.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
5	Dự án Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau		7007279	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 480/QĐ-TTg ngày 08/4/2020	567.784	99.585	24.146		139.215		10.619	3.754	1.000	1.000	1.000		1.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>				<i>9.152</i>	<i>9.152</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>8.152</i>	<i>8.152</i>	<i>352</i>	<i>352</i>	<i>4.000</i>	<i>4.000</i>	<i>7.800</i>	<i>3.800</i>	<i>0</i>	<i>7.800</i>		
<i>1</i>	<i>Bờ kè từ cống Rạch Răng đến Tru sở Công an huyện Trần Văn Thời</i>		7635201	221/QĐ-UBND ngày 25/5/2017	9.152	9.152			8.152	8.152	352	352	4.000	4.000	7.800	3.800	0	7.800	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ hoàn thành trong năm 2020	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
D	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP			4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	4.495	0	95	4.495			
<i>1</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>			<i>4.590</i>	<i>4.590</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.590</i>	<i>4.590</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4.590</i>	<i>4.590</i>	<i>4.495</i>	<i>0</i>	<i>95</i>	<i>4.495</i>			
1	Dự án đầu tư xây dựng mới đường dây trung thế 3 pha đường N1 (nuyến bên phải) Khu công nghiệp Khánh An	309	7766120	90/QĐ-SCT ngày 18/6/2019	4.590	4.590			4.590	4.590			4.590	4.590	4.495	95	4.495	Công trình đã hoàn thành, không còn nhu cầu thanh toán vốn	Ban Quản lý Khu kinh tế	
E	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903	0	0	9.903			
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>26.521</i>	<i>24.990</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>24.990</i>	<i>24.990</i>	<i>19.990</i>	<i>19.990</i>	<i>9.903</i>	<i>9.903</i>	<i>9.903</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>9.903</i>			
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020		7579881	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990			24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903		9.903		Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau	
G	KHOI ĐẢNG, NHÀ NƯỚC			866.129	807.845	13.227	13.227	759.376	705.628	347.504	317.504	304.448	280.700	276.846	572	4.426	276.846			
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>802.289</i>	<i>744.005</i>	<i>13.227</i>	<i>13.227</i>	<i>695.536</i>	<i>641.788</i>	<i>346.172</i>	<i>316.172</i>	<i>270.448</i>	<i>246.700</i>	<i>242.846</i>	<i>572</i>	<i>4.426</i>	<i>242.846</i>			

TT	Danh mục đầu tư	Loại	Khu vực	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Lũy kế giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
1	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời		341	7435891	1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	5.646	5.646	26.733	26.733	21.704	21.704	5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau		341	7580170	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	432.227			389.000	389.000	222.121	222.121	136.000	136.000	136.000			136.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh		341	7605693	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	12.510			12.510	12.510	11.259	11.259	1.200	1.200	1.200			1.200		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
4	Mở rộng Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau		341	7655288	486/QĐ-SXD ngày 30/12/2017; 150/QĐ-SXD ngày 06/6/2019	6.186	6.186			2.500	2.500	2.400	2.400	3.500	3.500	3.500			3.500		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân		341	7618945	350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908			14.433	14.433	5.577	5.577	8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân		341	7685901	363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.930	14.930			14.930	14.930	4.200	4.200	9.000	9.000	9.000			9.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
7	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh		341	7607698	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.616	8.616			7.833	7.833	4.200	4.200	3.500	3.500	3.500			3.500		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
8	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		341	7679836	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897			13.772	13.772	4.200	4.200	9.000	9.000	9.572	572		9.572	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Trụ sở hành chính xã Đất Mới, huyện Năm Căn		341	7684552	424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920			14.920	14.920	5.200	5.200	8.000	8.000	6.334	1.666		6.334	Do đấu thầu giảm giá	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
10	Trụ sở hành chính xã Đông Thời, huyện Cái Nước		341	7659860	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	14.485			14.485	14.485	6.612	6.612	7.500	7.500	7.500			7.500		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
11	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển		341	7682985	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285			7.285	7.285	5.200	5.200	2.000	2.000	1.740		260	1.740	Công trình hoàn thành trong quý II/2020, không còn nhu cầu thanh toán	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
12	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân		341	7653356	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	4.554			4.554	4.554	2.200	2.200	2.000	2.000	2.000			2.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
13	Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau		341	7358582	1066/QĐ-UBND ngày 05/7/2018	93.266	39.518	7.581	7.581	63.748	10.000	32.000	2.000	33.748	10.000	10.000			10.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
14	Công trình đầu tư xây dựng 03 Nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy		341	7673320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309			36.415	36.415	10.149	10.149	12.000	12.000	9.500		2.500	9.500	Đang đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
15	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau		341	7618682	354/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.704	14.704			14.704	14.704	4.150	4.150	10.000	10.000	10.000			10.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
16	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường		341	7573814	1759/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127			57.714	57.714	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000			20.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
17	Dự án khởi công mới năm 2020					63.840	63.840	-	-	63.840	63.840	1.332	1.332	34.000	34.000	34.000	0	0	34.000		
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Trụ sở hành chính xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh		341	7816947	315/QĐ-SXD ngày 18/10/2019	14.217	14.217			14.217	14.217			5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu dịch vụ Làng nghề thuộc Công viên văn hóa - du lịch Mũi Cà Mau		341	7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019	13.912	13.912			13.912	13.912			13.000	13.000	13.000			13.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
			Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)						
3	Trụ sở hành chính xã Lương Thiện, huyện Cái Nước	7720568	301/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	13.701	13.701			13.701	13.701	570	570	4.000	4.000	4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn		333/QĐ-SXD ngày 25/11/2019	14.758	14.758			14.758	14.758	762	762	6.000	6.000	6.000			6.000		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
5	Cải tạo công trình Trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông thành trụ sở Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính	341	368/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.252	7.252			7.252	7.252			6.000	6.000	6.000			6.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
H	QUỐC PHÒNG - AN NINH			122.740	102.740			116.066	96.066	42.519	42.519	60.000	40.000	46.500	6.400	0	46.400		
I	Dự án chuyển tiếp			104.854	84.854			99.969	79.969	41.569	41.569	52.000	32.000	38.500	6.400	0	38.400		
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường bán, Trao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Cà Mau	7004686	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000			26.000	6.000			26.000	6.000	6.000			6.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 871/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	49.157	49.157			44.569	44.569	31.569	31.569	10.000	10.000	13.000	3.000		13.000	Bổ sung vốn để hoàn thành dự án	Công an tỉnh Cà Mau
3	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004692	1822/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.697	29.697			29.400	29.400	10.000	10.000	16.000	16.000	19.500	3.400		19.400	Bổ sung vốn để hoàn thành dự án	Công an tỉnh Cà Mau
II	Dự án khởi công mới năm 2020			17.886	17.886			16.097	16.097	950	950	8.000	8.000	8.000	0	0	8.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng một số công trình tại các Trạm Kiểm soát Biên phòng Đá Bạc, Bồ Đề, Hố Gù và Khánh Hội	7004686	1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	17.886	17.886			16.097	16.097	950	950	8.000	8.000	8.000			8.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành cho Bên B	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
I	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ											8.665	8.665	6.606		2.059	6.606		Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai
1	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ môi trường và Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Cà Mau											51	51	51			51		Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cái Nước											200	200	200			200		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Tân Hưng, huyện Cái Nước											400	400	400			400		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông N1 (giai đoạn 2) Khu công nghiệp Khánh An											300	300	300			300		Ban Quản lý Khu kinh tế
5	Tuyến đường tránh chợ thị trấn U Minh, huyện U Minh (phần nền hạ tuyến đường)											800	800	800			800		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Khánh Lâm, huyện U Minh											600	600	600			600		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
7	Đoạn đường từ cầu Ông Khen xã Nguyễn Phích đến chợ Vàm Cái Tàu xã Khánh An, huyện U Minh											700	700	700			700		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
8	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Cà Mau	7817446	1675/UBND-XD ngày 13/3/2019									800	800	800			800		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng

TT	Danh mục đầu tư	Loại	Khu vực	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ: ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)						
9	Dự án đầu tư xây dựng bến xe khách xã Đại Mỹ huyện Ngọc Hiến			7784237									155	155	155			155		Sở Giao thông vận tải	
10	Trụ sở hành chính phường Tân Xuân, thành phố Cà Mau												300	300	300			300		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
11	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc, huyện Thới Bình												600	600	600			600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
12	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình												600	600	600			600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
13	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình												600	600	600			600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
14	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời												500	500	500			500		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
15	Dự phòng												2.059	2.059	0		2.059	0			
K	VỐN LẬP QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050												20.000	20.000	15.448		4.452	15.548	Đang trình TTCP phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
L	CHI TRẢ NỢ GÓC ĐẾN HẠN NĂM 2020												29.939	29.939	29.939			29.939		Sở Tài chính thực hiện thủ tục chi trả theo quy định	



PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2020
 (Kèm theo Tờ trình số: 51 /TTr-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư	Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú đầu tư						
			Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22	
	TỔNG SỐ					6.528.134	2.654.592	244.801	75.152	3.708.436	2.192.055	1.428.020	723.516	1.698.955	900.485	900.485	101.141	101.141	900.485			
A	LĨNH VỰC Y TẾ					834.121	690.529	55.391	55.391	504.049	504.049	276.221	266.221	241.946	195.000	184.519	9.864	20.345	184.519			
<i>I</i>	<i>Dự án chuyên tiếp</i>					648.907	592.015	55.391	55.391	407.506	407.506	276.221	266.221	165.946	119.000	101.255	2.500	20.245	101.255			
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	7146174	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018			213.633	213.633	55.391	55.391	121.368	121.368	117.708	117.708	25.000	25.000	25.000			25.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau	7570996	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2137/QĐ-UBND ngày 04/12/2019			194.762	137.870			59.087	59.087	41.700	31.700	66.946	20.000	0	20.000	0	20.000	0	Vướng mắc trong GPMB	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau	7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016			48.407	48.407			43.566	43.566	33.816	33.816	4.500	4.500	4.255		245	4.255	Dự án sắp hoàn thành, không có nhu cầu giải ngân thêm vốn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
4	Nhà KS thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018			105.907	105.907			105.907	105.907	62.697	62.697	29.500	29.500	32.000	2.500	0	32.000	Bổ sung thanh toán khối lượng hoàn thành và 02 gói thầu thiết bị y tế	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020	7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018			86.198	86.198			77.578	77.578	20.300	20.300	40.000	40.000	40.000			40.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>					185.214	98.514	0	0	96.543	96.543	0	0	76.000	76.000	83.264	7.364	100	83.264			
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2016-2020	423	132	7757509	469/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	8.863	8.863			8.863	8.863			8.000	8.000	8.000			8.000		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng 1 giai đoạn 2 (2016-2020)					39.219	39.219			37.364	37.364			30.000	30.000	37.364	7.364		37.364	Bổ sung vốn để hoàn thành dự án	Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau	
3	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính cho bệnh viện đa khoa Cà Mau					40.016	40.016			40.016	40.016			30.000	30.000	30.000			30.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
4	Công trình đầu tư xây dựng mở rộng nhà dọi máy DSA thành đơn vị can thiệp tim mạch	7780935	238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019			2.116	2.116			2.000	2.000			2.000	2.000	1.900		100	1.900	Dự án hoàn thành, đề nghị cắt giảm do dự vốn	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
5	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á)					95.000	8.300			8.300	8.300			6.000	6.000	6.000			6.000		Sở Y tế	
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					436.111	436.111	-	-	427.989	427.989	107.024	107.024	251.200	251.200	241.271	6.551	16.480	241.271			
<i>I</i>	<i>Dự án chuyên tiếp</i>					172.039	172.039	0	0	166.262	166.262	107.024	107.024	47.800	47.800	50.542	6.150	3.408	50.542			

TT	Danh mục dự án	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
			Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
1	Trường Trung học cơ sở Bông Tán, huyện Ngọc Hiển	77/6854	98/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.565	12.565			11.677	11.677	7.977	7.977	1.800	1.800	3.700	1.900	3.700	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
2	Trường THCS Tam Giang, huyện Ngọc Hiển	77/2668775	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970			8.997	8.997	6.297	6.297	2.000	2.000	2.700	700	2.700	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
3	Trường THCS Tân Lợi, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	073/7722036	282/QĐ-SXD ngày 27/9/2018	14.693	14.693			14.693	14.693	5.000	5.000	7.000	7.000	5.800	1.200	5.800	Giảm giá gói thầu sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
4	Một số hạng mục công trình tại Trường THPT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	073/7707937	309/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	14.864	14.864			14.864	14.864	12.000	12.000	2.500	2.500	1.805	695	1.805	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
5	Nâng cấp Trường THPT Trần Văn Thời đạt chuẩn quốc gia	073/7707938	1775/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	22.898	22.898			20.609	20.609	14.000	14.000	6.600	6.600	6.600		6.600		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
6	Trường THPT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	073/7718858	310/QĐ-SXD ngày 22/10/2018; 114/QĐ-SXD ngày 10/5/2019	12.377	12.377			12.377	12.377	10.000	10.000	2.000	2.000	1.201	799	1.201	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
7	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời	073/7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272			13.272	13.272	11.000	11.000	2.000	2.000	1.329	671	1.329	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
8	Trường THCS Tân Hưng, huyện Cái Nước	073/7749540	349/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	13.678	13.678			13.550	13.550	7.000	7.000	3.000	3.000	6.550	3.550	6.550	Dự án hoàn thành cần bổ sung để quyết toán	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Trường THCS Cái Nước, huyện Cái Nước	073/7728614	365/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	12.999	12.999			12.500	12.500	10.000	10.000	2.500	2.500	2.500		2.500		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
10	Trường Tiểu học - THCS Võ Thị Sáu, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	073/7743388	372/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.959	14.959			14.959	14.959	11.500	11.500	3.400	3.400	3.357	43	3.357	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
11	Trường Trung học cơ sở Hoàng Xuân Nhì, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh	073/7741354	352/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.707	14.707			14.707	14.707	6.125	6.125	8.000	8.000	8.000		8.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
12	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	073/7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.057	14.057			14.057	14.057	6.125	6.125	7.000	7.000	7.000		7.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
II	Dự án khởi công mới năm 2020			264.072	264.072	0	0	261.727	261.727	0	0	203.400	203.400	190.729	401	13.072	190.729	
1	Trường TH-THCS Trần Thời, huyện Cái Nước	073/7790917	341/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	13.765	13.765			13.765	13.765			10.000	10.000	10.000		10.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
2	Trường TH-THCS Đồng Hưng, huyện Cái Nước	073/7802412	321/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.470	12.470			12.470	12.470			10.000	10.000	10.000		10.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Trường THCS Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	073/7822451	348/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	11.980	11.980			11.980	11.980			10.000	10.000	6.900	3.100	6.900	Không giải ngân hết KHV do KLHT không đảm bảo	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trường THCS Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển	073/7813735	343/QĐ-SXD ngày 29/10/2019	3.937	3.937			3.937	3.937			3.500	3.500	3.500		3.500		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
5	Trường THCS xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	073/7812437	340/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	5.949	5.949			5.949	5.949			5.400	5.400	5.400		5.400		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
6	Trường THCS xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	073/7811623	357/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	10.946	10.946			10.946	10.946			9.500	9.500	5.000	4.500	5.000	Không giải ngân hết KHV do KLHT không đảm bảo	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
7	Trường THCS Tân Phong, xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	073/7799392	349/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.701	14.701			14.701	14.701			13.000	13.000	13.000		13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
8	Trường THCS Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Thới Bình	073/7799955	339/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.960	14.960			14.960	14.960			13.000	13.000	13.000		13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
9	Trường THCS thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình	073/7799393	338/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.970	14.970			14.970	14.970			13.000	13.000	13.000		13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Để xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)		Giảm (-)					
10	Trường THCS Nguyễn Văn Tố, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	073 7816618	330/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	8.925	8.925		8.925	8.925			4.000	4.000	4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
11	Trường TH-THCS Nguyễn Văn Khuê, xã Khánh Lâm, huyện U Minh	073 7818926	343/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.950	14.950		14.950	14.950			5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
12	Trường THCS Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	073 7819949	320/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	9.024	9.024		9.024	9.024			8.500	8.500	8.530	30		8.530	Để thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
13	Trường THCS Thới Phong, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	073 7812189	318/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	8.065	8.065		8.065	8.065			7.000	7.000	6.928		72	6.928	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
14	Trường THCS Ngọc Chánh, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi	073 7810138	332/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	9.815	9.815		9.815	9.815			9.000	9.000	7.600		1.400	7.600	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
15	Trường THCS Dương Thị Cẩm Vân, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	073 7791527	337/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	9.875	9.875		9.875	9.875			9.000	9.000	9.371	371		9.371	Để thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
16	Trường THCS Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	073 7808863	360/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	8.997	8.997		8.997	8.997			8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
17	Trường THCS 2 Lợi An, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	073	364/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.819	7.819		7.819	7.819			7.000	7.000	7.000			7.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
18	Trường THCS Gò Công, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	073 7826309	352/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.878	14.878		14.878	14.878			13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
19	Trường THCS Mỹ Bình, xã Phú Tân, huyện Phú Tân	073 7826308	358/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	11.985	11.985		11.985	11.985			10.000	10.000	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
20	Trường THPT Phan Ngọc Thiển, huyện Năm Căn	073 7781478	1896/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.443	23.443		21.098	21.098			12.000	12.000	10.000		2.000	10.000	Nhu cầu thanh toán khối lượng trong năm 2020 khoảng 10 tỷ đồng	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
21	Trường THPT Võ Thị Hồng, huyện Trần Văn Thời	073 7717858	325/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	14.976	14.976		14.976	14.976			10.000	10.000	8.000		2.000	8.000	Nhu cầu thanh toán khối lượng trong năm 2020 khoảng 10 tỷ đồng	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
22	Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời	073 7781479	326/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	5.015	5.015		5.015	5.015			4.500	4.500	4.500			4.500		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
23	Trường THPT Thái Thanh Hòa, huyện Đầm Dơi	073 7781477	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.627	12.627		12.627	12.627			9.000	9.000	9.000			9.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI			176.374	163.515	21.780	19.761	151.289	138.430	53.354	53.354	49.489	45.800	45.800	0	0	45.800		
I	Dự án chuyển tiếp			105.055	105.055	21.780	19.761	79.970	79.970	53.354	53.354	11.600	11.600	11.600	0	0	11.600		
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn I)	7275587	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	19.761	19.761	20.216	20.216	15.430	15.430	4.700	4.700	4.700			4.700		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	7618944	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210			16.389	16.389	11.449	11.449	4.900	4.900	4.900			4.900		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	2.019	-	43.365	43.365	26.475	26.475	2.000	2.000	2.000			2.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	Dự án khởi công mới năm 2020			71.319	58.460	0	0	71.319	58.460	0	0	37.889	34.200	34.200	0	0	34.200		
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	7817027	1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700			29.875	20.700			10.700	10.700	10.700			10.700		Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau
2	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình	7807092	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.260	29.260			29.260	29.260			15.000	15.000	15.000			15.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
3	Công trình cải tạo, nâng cấp Tương đài Khởi nghĩa Hòn Khoai, huyện Năm Căn	7796342	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	8.500			12.184	8.500			12.189	8.500	8.500			8.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn

TT	Danh mục dự án	Khu vực	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
				Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)		Giảm (-)				
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG TRẠI MỚI				443.534	391.064	5.802	-	366.274	357.816	159.518	151.060	128.900	128.900	121.900	6.000	13.000	121.900			
a)	Dự án chuyển tiếp				253.997	201.527	5.802	-	194.203	185.745	158.219	149.761	36.900	36.900	29.900	0	7.000	29.900			
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Kho đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)		700753	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2014	126.362	73.892	5.802	-	73.892	73.892	73.892	73.892	8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
2	Công trình đầu tư xây dựng một đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Túng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Túng, huyện Năm Căn		7664663	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017, 906/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	28.976	28.976			26.078	26.078	21.669	21.669	2.900	2.900	2.900			2.900		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đám Thi Tường, huyện Trần Văn Thời		7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	44.258			39.832	39.832	24.200	24.200	11.000	11.000	7.000		4.000	7.000	Phương án GPMB cầu Lung Trường chưa phê duyệt nên chưa có mặt bằng thi công	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
4	Cầu qua sông Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân		7603197	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401			54.401	45.943	38.458	30.000	15.000	15.000	12.000		3.000	12.000	Vướng MB thi công dẫn đến chậm tiến độ	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
b)	Dự án khởi công mới năm 2020				189.537	189.537			172.071	172.071	1.299	1.299	92.000	92.000	92.000	6.000	6.000	92.000			
1	Cầu bắc ngang sông Cái Tàu, huyện U Minh		7596751	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954			80.058	80.058	412	412	30.000	30.000	30.000			30.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Cầu Xóm Ruộng, huyện Đầm Dơi		7636415	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520			31.068	31.068	429	429	20.000	20.000	20.000			20.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Cầu Côi Năm và cầu Kênh Đống, huyện Trần Văn Thôn		7652205	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	26.425	26.425			23.782	23.782	458	458	20.000	20.000	14.000		6.000	14.000	Điều chỉnh chủ trương đầu tư	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhựa Kênh T21 (đoạn từ cầu kênh T21 đến giáp đường công xã Điện Đạm), huyện U Minh		7734354	1357/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	24.742	24.742			22.267	22.267			15.000	15.000	19.000	4.000		19.000	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ công trình	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Cầu Đinh Hạn trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển		7794716	1012/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.896	14.896			14.896	14.896			7.000	7.000	9.000	2.000		9.000	Đẩy nhanh tiến độ	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
E	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				2.933.080	377.090	30.000	-	1.526.290	335.172	608.785	101.832	911.596	163.761	138.797	12.036	37.000	138.797			
a)	Dự án chuyển tiếp				2.914.378	358.388	30.000	0	1.507.588	316.470	608.785	101.832	895.596	147.761	120.761	10.000	37.000	120.761			
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	280	284	7027480	1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	134.163	21.048			54.889	19.354		54.835	19.300	19.300			19.300		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
2	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 và năm 2020			Nhiều công trình	80.440	6.198			6.198	6.198			6.000	6.000	6.000			6.000	Bố trí sử dụng năm 2019 và năm 2020	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, trình UBND tỉnh quyết định phân khai sử dụng	
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000			474.000	21.000	210.531	9.000	192.000	12.000			12.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	280	283	7067082	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948					15.430	10.000	12.950	12.950	9.950	0	3.000	9.950	Do điều chỉnh cắt giảm một số hạng mục không còn phù hợp với thực tế.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Lấy kế vốn bố trí từ khoi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư		
		Mã dự án	Loại hình đầu tư	Ngày ban hành	Ngày phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)					
5	Dự án xây dựng kè tạo bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây				1359/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	252.899	12.000			252.887	12.000	120.780	-	132.107	12.000	0	0	12.000	Tập trung giải ngân kế hoạch vốn ODA (vốn đối ứng sẽ giải ngân trong năm 2021, 2022)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Dự án trồng rừng phòng hộ ven sông, gặt bỏ tạo bãi trồng rừng cửa sông, ven biển	280	282	7738767	1740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	179.579	18.000			178.673	18.000	80.000	-	98.673	18.000	0	0	18.000	Tập trung giải ngân kế hoạch vốn ODA (vốn đối ứng sẽ giải ngân trong năm 2021, 2022)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
7	Đổi ứng Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2020	280	282	7536253	1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	90.265		30.000		51.378	2.000	51.212		2.000	2.000	2.000		2.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đê phòng, chống xói lở bờ biển, tăng cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	280	284	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	90.000			341.645	90.000	7.143	7.143	227.120	12.000	22.000	10.000	0	22.000	Khối lượng thực hiện cao hơn so với KH đã giao	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các công đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	280	283	7692036	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018, 1955/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	81.587	1.983			1.983	1.983	689	689	511	511	511			511		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Đổi ứng Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	280	284	7731818	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	28.560			16.284	16.284			9.000	4.000	0	0	4.000	Ban CPO Lâm nghiệp chưa đầu thầu tư vấn Quốc tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau			7296707	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017	234.955	64.651			64.651	64.651	78.000	30.000	140.400	29.000	29.000		29.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
12	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau				Các Quyết định	135.794	65.000			65.000	65.000	45.000	45.000	20.000	20.000	20.000	0	0	20.000		
	Trong đó:																				
12.1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn			7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985	17.665	19.392		17.665	17.665	12.665	12.665	5.000	5.000	5.000		5.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
12.2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thời			7006177	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	72.711	72.711	18.583		27.050	27.050	12.050	12.050	15.000	15.000	15.000		15.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
b)	Dự án khởi công mới năm 2020					18.702	18.702	-	-	18.702	18.702	-	-	16.000	16.000	18.036	2.036	0	18.036		
1	Công trình xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	280	311	7778006	244/QĐ-SXD ngày 28/8/2019	14.440	14.440			14.440	14.440			12.000	12.000	13.842	1.842	0	13.842	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Công trình nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước tại Trụ sở Vườn Quốc gia U Minh hạ và lắp đặt mới tuyến ống kênh T19	280	311	7753493	72/QĐ-SXD ngày 04/4/2019	4.262	4.262			4.262	4.262			4.000	4.000	4.194	194	0	4.194	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
G	CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG					596.283	596.283	131.828	-	370.299	66.353	179.500	407	65.000	65.000	99.782	44.782	10.000	99.782		
a)	Dự án chuyển tiếp					537.906	537.906	131.828	-	343.946	40.000	179.093	-	40.000	40.000	63.429	33.429	10.000	63.429		
1	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau			7440195	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301			172.171	25.000	49.838		25.000	25.000	15.000		10.000	15.000	Vương GPMB	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông

TT	Danh mục dự án	Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)							
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Hành lang ven biển phía Đông đồng bằng duyên hải phía Đông tỉnh Cà Mau	1679/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	115.525	115.525			89.755		89.755				10.143	10.143		10.143	Bổ sung danh mục và bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	131.828		82.020	15.000	39.500			15.000	15.000	38.286	23.286	38.286	Thanh toán theo khối lượng	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
<i>b)</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>		<i>58.377</i>	<i>58.377</i>			<i>26.353</i>	<i>26.353</i>	<i>407</i>	<i>407</i>	<i>25.000</i>	<i>25.000</i>	<i>36.353</i>	<i>11.353</i>		<i>36.353</i>			
1	Cầu Cây Dương, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	1011/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.027	14.027			11.353	11.353				10.000	10.000	11.353	1.353	0	11.353	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiến (nối dài), huyện Phú Tân	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.350	44.350			15.000	15.000	407	407	15.000	15.000	25.000	10.000		25.000	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ công trình	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
H	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		1.108.631										11.684	6.000	4.316	11.684			
1	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử các địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương cục Miền Nam (giai đoạn từ cuối năm 1949 đến đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau giai đoạn I	05a/QĐ-HĐND ngày 31/3/2017	46.845									500	500	0	0	500	0	Do điều chỉnh vị trí đất triển khai dự án, không có nhu cầu sử dụng vốn trong năm	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh Cà Mau	540/TB-VP ngày 27/3/2020										650	650	650		650			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Dự án Khu xử lý nước thải tập trung các Khu công nghiệp: Khánh An, Hòa Trung và Sông Đốc - Tỉnh Cà Mau												500	500	0	500	0	Đang trình đề xuất sử dụng vốn ODA, chưa có nhu cầu thanh toán	Ban Quản lý các dự án ODA và NGO
4	Dự án xây dựng tuyến đường từ xã Tân Trung (đầu nối đường Lương Thế Trân - Đầm Dơi) đến đường trục chính Đông Tây	1903/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	44.035									900	900	470	430	470	Đang lập BCDXCTĐT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 430 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Hệ thống thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông	1904/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.844									300	300	288	12	288	Đang lập BCDXCTĐT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 288 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
6	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tắc Thu - Rạch Ráng - Sông Đốc đoạn qua nội thị trấn Trần Văn Thời (từ cầu Rạch Ráng đến đường số 11).		38.438									500	500	276	224	276	Đang lập BCDXCTĐT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 276 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
7	Dự án đoạn từ cầu Xóm Ruộng đến cầu Rạch Sao, huyện Đầm Dơi	631/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	58.876									900	900	400	500	400	Đang lập BCDXCTĐT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 400 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
8	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Bến cá Hồ Giỏi	8469/UBND-XĐ ngày 13/11/2019	60.821									900	900	400	500	400	Đang lập BCDXCTĐT, nhu cầu giải ngân vốn trong năm 2020 khoảng 400 triệu đồng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vĩnh (ngã tư Vòng xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay), huyện Năm Căn											500	500	500		500		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Bến phà xã Hiệp Tùng - Lâm trường 184 đến Bến phà qua xã Tam Giang, đầu nối tuyến đường ô tô về trung tâm xã Tam Giang, huyện Năm Căn											400	400	400		400		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
11	Dự án xây dựng cầu Trảng Cò và cầu Rạch Ruộng	15/HĐND-TT ngày 23/0/2017	85.772									300	300	300		300		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Để xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)			
12	Dự án xây dựng đê biển Tân từ Cầu Đền Vàm đến Kênh Năm và kế phòng chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa biển sông Ông Đốc đến cửa biển Bàu Hạp tỉnh Cà Mau	1135/QĐ-TTg ngày 04/9/2019	750.000							2.000	2.000	8.000	6.000	0	8.000	Thanh toán cho tư vấn FS, Rap và ĐTM	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Dự phòng									1.650	1.650			1.650		Điều chỉnh giảm để bổ sung vốn cho các dự án khác	
I	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN						5.512	5.512	4.304	4.304	20.000	20.000	20.000		20.000		Sở Tài chính trình phân khai sử dụng
K	DỰ PHÒNG						356.734	356.734	39.314	39.314	20.824	20.824	36.732	15.908	36.732	Thời gian tới, sẽ bố trí cho các dự án có nhu cầu bổ sung vốn	Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình phân khai sử dụng



PHỤ LỤC III
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020
(Kèm theo Tờ trình số: 51 /TTr-UBND ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Loại	Khóa	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSIT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSIT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSIT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSIT		Tăng (+)	Giảm (-)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21
	TỔNG SỐ					753.895	413.131	20.372	216.439	213.739	188.985	182.295	25.015	25.015	25.015	1.929	1.929	25.015		
A	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN					371.890	47.925	20.372	33.923	31.223	34.199	27.509	414	414	0	0	414	0		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					370.570	46.605	20.372	32.623	29.923	32.923	26.233	390	390	0	0	390	0		
1	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	280	283	7211283	1616/QĐ-UBND ngày 21/10/2010	370.570	46.605	20.372	32.623	29.923	32.923	26.233	390	390	0		390	0	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					1.320	1.320	0	1.300	1.300	1.276	1.276	24	24	0	0	24	0		
1	Nhà làm việc Tổ Kiểm lâm cơ động thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	280	282	7744369	1609/QĐ-UBND ngày 26/9/2017	1.320	1.320	0	1.300	1.300	1.276	1.276	24	24	0		24	0	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau
B	GIAO THÔNG					26.260	26.260	0	16.080	16.080	4.412	4.412	2.667	2.667	2.667	0	0	2.667		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					2.849	2.849	0	1.880	1.880	1.430	1.430	450	450	450	0	0	450		
1	Tiểu dự án GPMB và rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ xây dựng các cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thuộc Dự án LRAMP			7737506	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	2.849	2.849	0	1.880	1.880	1.430	1.430	450	450	450		450	0		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					23.411	23.411	0	14.200	14.200	2.982	2.982	2.217	2.217	2.217	0	0	2.217		
1	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiểm Lâm, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân			7685902	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	23.411	23.411	0	14.200	14.200	2.982	2.982	2.217	2.217	2.217			2.217		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
C	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ					23.556	23.556	0	11.790	11.790	10.006	10.006	277	277	1.551	1.473	199	1.551		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					23.556	23.556	0	11.790	11.790	10.006	10.006	277	277	1.551	1.473	199	1.551		
1	Tuyến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân			7608568	273/QĐ-SXD ngày 11/10/2016	8.694	8.694	0	7.932	7.932	7.604	7.604	274	274	75		199	75	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Dự án đầu tư xây dựng đường đầu nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	280	309	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862	0	3.858	3.858	2.402	2.402	3	3	1.476	1.473		1.476	Bổ sung vốn đầy thành tiền để thực hiện	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
D	HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP					13.841	13.841	0	13.800	13.800	11.341	11.341	37	37	0	0	37	0		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					13.841	13.841	0	13.800	13.800	11.341	11.341	37	37	0	0	37	0		
1	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào Khu công nghiệp Khánh An, huyện U Minh	280	309	7565739	38/QĐ-SXD ngày 17/3/2016	13.841	13.841	0	13.800	13.800	11.341	11.341	37	37	0		37	0	Dự án đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ban Quản lý Khu kinh tế
E	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					75.864	74.333	0	63.343	63.343	42.694	42.694	4.403	4.403	4.076	0	327	4.076		



TT	Dự án đầu tư	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)		Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
				Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)					
1		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21	
I	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				68.936	67.405	0	56.415	56.415	40.409	40.409	327	327	0	0	327	0			
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu thực nghiệm ứng dụng khoa học, công nghệ cho hệ sinh thái nước ngọt		7472270	1139/QĐ-UBND ngày 23/7/2014	29.473	29.473		18.525	18.525	15.347	15.347	62	62	0		62	0	Dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu sử dụng vốn	Sở Khoa học và Công nghệ	
2	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020		7579881	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990		24.990	24.990	14.913	14.913	77	77	0		77	0	Dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu sử dụng vốn	Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau	
3	Dự án đầu tư xây dựng mới, thay thế thiết bị cho các Đài Truyền thanh cấp xã		7618363	49/QĐ-SXD ngày 31/3/2016	12.942	12.942		12.900	12.900	10.149	10.149	188	188	0		188	0	Dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu sử dụng vốn	Sở Thông tin và Truyền thông	
II	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>				6.928	6.928	0	6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	4.076	0	0	4.076			
1	Dự án "Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2018-2020"		7738768	1773/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.928	6.928		6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	4.076			4.076	0	Sở Tài nguyên và Môi trường	
F	KHÔI ĐẢNG, NHÀ NƯỚC				69.546	69.546	0	66.204	66.204	34.290	34.290	1.829	1.829	2.020	362	171	2.020			
1	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>				69.546	69.546	0	66.204	66.204	34.290	34.290	1.829	1.829	2.020	362	171	2.020			
1	Xây dựng mới công, hàng rào trụ sở Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau		7705952	597/QĐ-UBND ngày 06/4/2018; 122/QĐ-SXD ngày 15/5/2019	1.652	1.652		1.489	1.489	1.318	1.318	171	171	0		171	0	Dự án đã hoàn thành, không có nhu cầu sử dụng vốn	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	
2	Trụ sở hành chính phường 1, thành phố Cà Mau	361	7619588	142/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	13.558	13.558		13.558	13.558	11.530	11.530	590	590	590			590		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
3	Hội trường và Khối đoàn thể xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi			400/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	7.742	7.742		7.742	7.742	7.240	7.240	70	70	432	362	432		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
4	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển		7682985	423/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.285	7.285		7.000	7.000	4.254	4.254	746	746	746		746			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
5	Công trình đầu tư xây dựng 03 nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy		7373320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309	0	36.415	36.415	9.948	9.948	252	252	252			252		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
G	AN NINH - QUỐC PHÒNG				172.938	157.670	0	11.299	11.299	52.044	52.044	14.607	14.607	14.701	94	0	14.701			
1	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư				161.462	146.194	0	0	0	42.266	42.266	13.125	13.125	13.125	0	0	13.125			
a)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				161.462	146.194	0	0	0	42.266	42.266	13.125	13.125	13.125	0	0	13.125			
1	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau		7004686	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927				29.801	29.801	11.599	11.599	11.599			11.599		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn		7004686	4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	30.535	15.267				12.465	12.465	1.526	1.526	1.526		1.526			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư				11.476	11.476	0	11.299	11.299	9.778	9.778	1.482	1.482	1.576	94	0	1.576			
a)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				6.480	6.480	0	6.439	6.439	5.653	5.653	746	746	786	40	0	786			
1	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Tàu/Đồn Biên phòng Đất Mũi		7004686	1485/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	6.480	6.480		6.439	6.439	5.653	5.653	746	746	786	40		786		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
b)	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>				4.996	4.996	0	4.860	4.860	4.124	4.124	736	736	790	54	0	790			
1	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Hương Mai/Đồn Biên phòng Khánh Tiến		7004686	1481/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	4.996	4.996		4.860	4.860	4.124	4.124	736	736	790	54		790		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)				
1		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21	
H	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			0		0	0		0		200	200	0	0	200	0			
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu chức năng ứng dụng liên bộ khoa học công nghệ (giai đoạn 3)										200	200	0		200		0	Do đang làm thủ tục điều chỉnh lại quy mô nên khả năng không giải ngân kịp	Sở Khoa học và Công nghệ
I	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG KHI QUYẾT TOÁN										581	581	0		581	0	0	Không có nhu cầu sử dụng	Sở Tài chính



PHỤ LỤC IV
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số: 51 /TT-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lý do vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)		Giảm (-)					
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21
TỔNG SỐ					1.886.609	874.553	0	1.362.351	818.994	863.879	593.321	47.764	51.206	51.206	12.457	12.457	51.206		
A	LĨNH VỰC Y TẾ				287.198	267.198	0	273.737	253.737	112.854	112.854	27.217	27.217	31.810	7.825	3.232	31.810		
1	Dự án chuyển tiếp				154.314	154.314	0	149.473	149.473	90.001	90.001	7.018	7.018	12.547	7.825	2.296	12.547		
1	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau		7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407	0	43.566	43.566	27.304	27.304	4.018	4.018	1.722	2.296	1.722	1.722	Dự án sắp hoàn thành, không có nhu cầu giải ngân thêm vốn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau		7541537	1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907	0	105.907	105.907	62.697	62.697	3.000	3.000	10.825	7.825	10.825	10.825	Bổ sung vốn đẩy nhanh tiến độ dự án	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	Dự án khởi công mới năm 2019				132.884	112.884	0	124.264	104.264	22.853	22.853	20.199	20.199	19.263	0	936	19.263		
1	Đề án xây dựng các bệnh viện tỉnh (Bệnh viện đa khoa Cà Mau và Bệnh viện Sản - Nhi) làm vệ tinh các bệnh viện TP.HCM giai đoạn 2016 - 2020				113.527	93.527	0	104.907	84.907	5.306	5.306	19.839	19.839	19.263	0	576	19.263		
	Trong đó:																		
1.1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020		7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198	0	77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263	0	0	19.263		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
1.2	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Chợ Rẫy giai đoạn 2016-2020		7684304	1315/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	27.329	7.329	0	27.329	7.329	4.269	4.269	576	576	576	0	576	0	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
2	Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống máy lạnh trung tâm, khí sạch phòng mổ, mở rộng Khoa Hồi sức tích cực và chống độc, mua máy lọc thận nhân tạo		7708611	1228/QĐ-UBND ngày 07/8/2018	19.357	19.357	0	19.357	19.357	17.547	17.547	360	360	360	0	360	0	Dự án hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				284.960	284.960	0	265.266	265.266	234.569	227.011	6.795	6.795	8.166	3.182	1.811	8.166		
1	Dự án chuyển tiếp				134.993	134.993	0	128.047	128.047	120.428	112.870	1.961	1.961	816	0	1.145	816		
1	Khởi 10 phòng học và Khu biểu bộ Trường THPT Tân Bằng, huyện Thới Bình (giai đoạn 2)		7618680	405/QĐ-SXD ngày 23/10/2017	14.675	14.675	0	14.675	14.675	13.903	13.903	272	272	0	0	272	0	Đang trình hồ sơ quyết toán, không có nhu cầu giải ngân	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau		7536929	1601/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 và quyết định (điều chỉnh) số 914/QĐ-UBND ngày 31/5/2019	48.444	48.444	0	48.131	48.131	45.868	38.310	402	402	172	0	230	172	Đang lập hồ sơ quyết toán, không có nhu cầu giải ngân	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Xây dựng và sửa chữa Trường THCS - THPT Vàm Đĩnh, huyện Phú Tân		7618679	1814/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	17.325	17.325	0	15.593	15.593	15.389	15.389	204	204	0	0	204	0	Đang trình hồ sơ quyết toán, không có nhu cầu giải ngân	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Trường THCS Nguyễn Mai, xã Khánh Tiến, huyện U Minh	073	7653357	420/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	13.651	13.651	0	13.651	13.651	12.644	12.644	7	7	0	0	7	0	Công trình đã hoàn thành, để nghị cắt giảm vốn dự án	Ủy ban nhân dân huyện U Minh

TT	Danh mục chi tiêu	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
5	Trường THCS Trần Quốc Tuấn, huyện Phú Mỹ, huyện Cái Nước			7679835	428/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.930	14.930	0	14.500	14.500	13.675	13.675	825	825	442	383	442	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
6	Trường THCS Tam Giang, huyện Ngọc Hiển			7668831	413/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.998	14.998		14.998	14.998	12.151	12.151	49	49	0	49	0	Công trình đã hoàn thành, đề nghị chỉ giảm vốn do dư vốn	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
7	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển		073	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970		6.499	6.499	6.798	6.798	202	202	202		202		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
II	Dự án khởi công mới năm 2019					149.967	149.967	0	137.219	137.219	114.141	114.141	4.834	4.834	7.350	3.182	666	7.350		
1	Xây dựng 06 phòng học tại Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển		070	074	7707936	307/QĐ-SXD ngày 19/10/2018	7.178	7.178		7.178	7.178	6.516	6.516	662	662	640	22	640	Điều chỉnh giá gói thầu	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
2	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời			7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272		13.272	13.272	10.745	10.745	255	255	255		255		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
3	Trường Trung học cơ sở Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời			7742164	344/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	12.920	12.920		12.920	12.920	10.672	10.672	28	28	0	28	0	Công trình đã hoàn thành, không còn nhu cầu sử dụng vốn	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
4	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời			7742165	334/QĐ-SXD ngày 25/10/2018	11.448	11.448		11.448	11.448	9.576	9.576	786	786	786		786		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
5	Trường Trung học cơ sở Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi		073	7748378	399/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	14.961	14.961	0	14.500	14.500	14.437	14.437	63	63	366	303	366	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
6	Xây dựng sùn chữa Trường Trung học cơ sở xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển			7725814	348/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.485	5.485		4.810	4.810	3.194	3.194	1.616	1.616	1.000	616	1.000	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
7	Trường Trung học cơ sở Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển			7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.564	12.564		9.800	9.800	7.977	7.977	23	23	23		23		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
8	Trường THCS Biển Bạch, xã Biển Bạch, huyện Thới Bình		.073	7724330	357/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.099	14.099		12.450	12.450	11.500	11.500			950	950	950	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
9	Trường THCS Biển Bạch Đông, xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình		.073	7724331	360/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.699	14.699		11.100	11.100	10.500	10.500			600	600	600	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
10	Trường THCS Tân Lộc Bắc, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình		.073	7721528	345/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	8.114	8.114		5.650	5.650	5.300	5.300			350	350	350	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
11	Trường THCS Đặng Tấn Triệu, xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân			7724329	298/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	11.190	11.190		10.596	10.596	10.000	10.000			596	596	596	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
12	Trường THCS Việt Khái, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân			7724328	314/QĐ-SXD ngày 23/10/2018	9.925	9.925		9.383	9.383	9.000	9.000			383	383	383	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
13	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh			7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.112	14.112		14.112	14.112	4.724	4.724	1.401	1.401	1.401		1.401		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI					15.142	4.785	0	15.142	4.785	4.733	4.733	17	17	0	0	17	0		
I	Dự án chuyển tiếp					15.142	4.785	0	15.142	4.785	4.733	4.733	17	17	0	0	17	0		
1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Nghìn trang Liệt sĩ huyện Trần Văn Thời (Ngân sách tỉnh đầu tư nền dài, phủ diều)			7011808	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	15.142	4.785		15.142	4.785	4.733	4.733	17	17	0	17	0	17	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					1.299.309	317.610	0	808.206	295.206	511.723	248.723	13.735	13.735	11.230	1.450	3.955	11.230		
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới					326.927	268.212	0	249.458	249.458	216.012	216.012	9.048	9.048	7.543	1.450	2.955	7.543		
a)	Dự án chuyển tiếp					282.669	228.297	0	214.258	214.258	192.923	192.923	7.937	7.937	6.432	1.450	2.955	6.432		

TT	Danh mục dự án	Số dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Số QĐ: ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)				
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7607534	614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	71.990	71.990	71.990	62.215	62.215	775	775	775			775		Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
2	Tuyến đường đèo nối từ cầu qua sông Rạch Ông đến cầu Nhà Diêu, xã Tân An, huyện Ngọc Hiển	7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	14.899	14.899		10.290	10.290	10.290	2.037	2.037	121		1.916	121	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
3	Xây dựng mới 04 cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7657727	580/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	10.145	10.145		10.145	10.145	9.194	9.194	51	0		51	0	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
4	Tuyến đường vào trung tâm hành chính mới xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7640724	392/QĐ-SGTVT ngày 04/8/2017	14.958	14.958		14.958	14.958	13.684	13.684	224	0		224	0	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
5	Cầu Đường Kéo thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7638797	1802/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	41.164	41.164		39.748	39.748	38.984	38.984	764	0		764	0	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, không còn nhu cầu giải ngân vốn	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
6	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7664663	906/QĐ-UBND ngày 30/05/2019	28.976	28.976		24.569	24.569	17.448	17.448	4.086	4.086	4.086		4.086		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
7	Dự án XD mới 03 cầu (cầu Xi Tọc, cầu Trung Đoàn và cầu Công An) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn	7562293	568/QĐ-UBND ngày 03/4/2019	46.165	46.165		42.558	42.558	41.108	41.108		1.450	1.450		1.450		Dự án đã hoàn thành, bổ sung vốn thanh toán khối lượng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
b) Dự án khởi công mới năm 2019				44.258	39.915	0	35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111	0	0	1.111			
1	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thi Tương, huyện Trần Văn Thời	7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	39.915		35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111		1.111		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
II Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu				972.382	49.398	0	558.748	45.748	295.711	32.711	4.687	4.687	3.687	0	1.000	3.687			
a) Dự án chuyển tiếp				897.394	35.993	0	485.343	32.343	224.304	21.304	2.689	2.689	2.689	0	0	2.689			
1	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển và sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	280	284	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343	11.343	10.400	10.400	943	943	943		943		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn		
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng VII - Nam Cà Mau			7005987	549/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	84.348	3.650		3.373	3.373	277	277	277		277		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT		
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000		474.000	21.000	210.531	7.531	1.469	1.469	1.469		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
b) Dự án khởi công mới năm 2019				74.988	13.405	0	73.405	13.405	71.407	11.407	1.998	1.998	998	0	1.000	998			
1	Dự án xây dựng Kè cấp bách bảo vệ đề biển Tây kết hợp xây dựng khu tái định cư (đoạn từ cống Sào Lưới đến Bắc cống Đá Bạc và đoạn từ Nam Đá Bạc hướng về Kênh Môn)	280	284	7700726	1049/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	74.988	13.405		73.405	13.405	71.407	11.407	1.998	1.998	998	1.000	998	Dự án đang trong giai đoạn thanh quyết toán	Ban Quản lý các dự án ODA&NGO
E THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN													3.442	0	3.442	0	Điều chỉnh giảm để bổ sung vốn cho các dự án khác (KHV năm 2020 đã bỏ từ 20 tỷ đồng)	Sở Tài chính	

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020
và năm 2019 chuyển sang năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỶ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày.....tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang; Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND ngày.....tháng 6 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020 như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 11,032 tỷ đồng của 06 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 05 dự án thuộc Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2020 (684,597 tỷ đồng - kèm theo Phụ lục I).

2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 101,141 tỷ đồng của 30 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 18 dự án thuộc Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2020 (900,485 tỷ đồng - kèm theo phụ lục II).

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 1,929 tỷ đồng của 10 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 04 dự án thuộc Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2019 chuyển sang năm 2020 (25,015 tỷ đồng - kèm theo Phụ lục III).

4. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 12,457 tỷ đồng của 19 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 08 dự án thuộc Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2019 chuyển sang (51,206 tỷ đồng - kèm theo Phụ lục IV).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày.....tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH**Trần Văn Hiện**